

Bản án số: 81/2019/DS-PT

Ngày: 23/01/2019

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Xuân;

2. Ông Nguyễn Ngọc Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 512/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 679/2018/DS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 223/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị D** – sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: 036, khu phố Đ, phường B, xã T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị D: Bà **Nguyễn Thị Thiên H** – sinh năm 1976 (Theo giấy ủy quyền có số công chứng 18434, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 17/11/2014 tại Văn phòng Công chứng A, tỉnh B) (có mặt).

Địa chỉ: A63Bis, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông **Ngô Văn L** – sinh năm 1942 (có mặt).

Địa chỉ: 73/2A đường T, phường T, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn L: Bà **Nguyễn Tường Vi L** – sinh năm 1981 (Theo giấy ủy quyền có số công chứng 018180, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 13/10/2018 tại Văn phòng công chứng T, Thành phố H) (có mặt).

Địa chỉ: 331 đường T, phường C, Quận M, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô Văn L: Luật sư **Lê Quốc S** – Văn phòng Luật sư K và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân Quận M1, Thành phố H.

Địa chỉ: Số 1 đường L, phường T, Quận M1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận M1, Thành phố H: Ông **Lê Trương Hải H** – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận M1, Thành phố H (xin vắng mặt).

2/ Bà **Trần Thị L** – sinh năm 1934.

Địa chỉ: Hẻm 296, Tổ 2, Khu phố 5, phường Đ, Quận M1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L: Bà **Nguyễn Thị Tuyết N** – sinh năm 1969 (Theo giấy ủy quyền có số công chứng 001922, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 30/01/2015 tại Văn phòng Công chứng T, Thành phố H) (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 19B đường T, Phường M, quận T, Thành phố H.

3/ Bà **Ngô Thị L** – sinh năm 1965.

Địa chỉ: 9A, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị L: Bà **Ngô Thị D** – sinh năm 1962 (Theo giấy ủy quyền được có số công chứng số 17857, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 29/10/2014 tại Văn phòng Công chứng A, tỉnh B) (có mặt).

Địa chỉ: 036, khu phố Đ, phường B, xã T, tỉnh B.

4/ Bà **Nguyễn Lưu L** – sinh năm 1969.

Địa chỉ: 73/2A đường T, phường T, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Lưu L: Bà **Nguyễn Tường Vi L** – sinh năm 1981 (Theo giấy ủy quyền có số công chứng 018180, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 13/10/2018 tại Văn phòng công chứng T, Thành phố H) (có mặt).

Địa chỉ: 331 đường T, phường C, Quận M, Thành phố H.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2014, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/11/2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày như sau:

Mẹ ruột của nguyên đơn bà Ngô Thị D là bà Trần Thị O (chết năm 2012) là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa 4006, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại phường Đ, Quận M1, Thành phố H đã được Ủy ban nhân dân Quận M1, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00437 QSDĐ/Q12/1999 ngày 09/10/1999.

Do bà D và các con bà O không sinh sống gần đất để thường xuyên quản lý đất nên bà Trần Thị L (là chị bà Trần Thị O) đã chuyển nhượng một phần đất còn lại của bà O cho ông Ngô Văn L diện tích 86m². Khi ông L mượn sổ bà L để làm thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M1 mới báo cho bà D biết đất ông L nhận chuyển nhượng của bà L thuộc quyền sử dụng của mẹ bà D nên không hợp thức hóa được. Bà D có đến Ủy ban nhân dân phường Đ hỏi thì được Ủy ban trả lời đất của bà thì không ai xây dựng hết. Do đó, bà yên tâm ra về. Tuy nhiên, sau đó bà không hiểu tại sao ông L lại được Ủy ban nhân dân Quận M1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) trên phần đất của mẹ bà.

Nay bà yêu cầu như sau: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị ông L trả lại cho bà D phần đất diện tích 38,3m² ông L đã lấn chiếm, đất này thuộc phần đất Ủy ban nhân dân Quận M1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00437 QSDĐ/Q12/1999 ngày 09/10/1999 cho mẹ của bà. Yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CH01050 do Ủy ban nhân dân Quận M1 cấp ngày 27/6/2011 cho ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Lưu L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện bị đơn ông Ngô Văn L trình bày:

Ngày 15/01/2004, vợ của ông Ngô Văn L có nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay phần đất của bà Trần Thị L diện tích khoảng 90m². Ngày 27/6/2011, Ủy ban nhân dân Quận M1 đã cấp Giấy chứng nhận cho vợ chồng ông. Việc cấp giấy chứng nhận trên là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân phường đã niêm yết danh sách công khai theo quy định nhưng không ai khiếu nại. Đồng thời, phần đất bà L bán cho ông là thuộc quyền sử dụng của bà L, bà O đã bán hết đất của mình cho các hộ dân giáp ranh đất ông mua của bà L. Giữa bà L và phía bà O (đại diện phía bà O có con rể bà O, ông Lê Văn Cần, chồng bà D) đã ký xác nhận mốc ranh giữa hai bên. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu về việc trả lại đất cho nguyên đơn.

Mặt khác, bà O chết không để lại di chúc, hai người con không kê khai di sản thừa kế. Trước khi chết, bà O không tranh chấp nên hai người con không được kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Vì vậy, bà Ngô Thị D không được quyền khởi kiện.

Đối với yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bị đơn cho rằng bà D tranh chấp vào đầu năm 2014 thì tháng 3/2014 khi Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M1 hòa giải thì ông L đã xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2014, bà D chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L. Đến ngày 29/11/2016, tại đơn khởi kiện bổ sung, bà D mới yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất của ông L. Như vậy thời hiệu khởi kiện đã hết. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà D.

Tại văn bản số 5212/UBND-NV đề ngày 18/7/2017, đại diện Ủy ban nhân dân Quận M1, Thành phố H trình bày:

Ủy ban nhân dân Quận M1 sẽ thực hiện theo quyết định, bản án của Tòa án nhân dân các cấp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị L là bà Ngô Thị D trình bày:

Yêu cầu ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Lưu L trả lại đất tranh chấp cho bà Ngô Thị D thừa hưởng của mẹ như đơn khởi kiện của bà D.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bà Nguyễn Lưu L trình bày:

Bà Lưu L thống nhất với ý kiến trình bày của ông L, không đồng ý yêu cầu đòi đất của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bà Trần Thị L là bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Giữa mẹ bà và bà Trần Thị O có đất liền kề ranh. Hai bên có cắm cột mốc phân định ranh giới đất. Bà O đã chuyển nhượng hết đất của bà O cho nhiều hộ dân. Trong đó, phần đất bà O chuyển nhượng cho ông Phan Nhật Q giáp ranh đất của bà L. Về phía bà L mẹ bà cũng có chuyển nhượng một phần đất cho ông Ngô Văn L, đất này giáp ranh đất ông Q. Bà khẳng định đây là đất của mẹ bà chứ không phải của bà O. Khi ông Q xây dựng nhà thì ông Q có lên xin phép mẹ bà và bà Trần Thị L (Bà L là người đã sinh sống, ở đó từ lâu) cho ông Q nhổ cọc mốc ranh để xây dựng. Như vậy phía bên bà O nhổ cột mốc ranh đất chứ không phải phía bên mẹ bà.

Việc mẹ bà chuyển nhượng đất cho ông L là đã lâu, khi bà O còn sống nhưng bà O không tranh chấp vì phía mẹ bà không hề lấn mốc ranh.

Nay bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 679/2018/DS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận M1, Thành phố H tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 631, khoản 1 Điều 633, Điều 636, khoản 3 Điều 702 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008,

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Ngô Thị D về việc buộc ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Lưu L phải trả cho bà Ngô Thị D 44,8m² đất (ký hiệu (2) tại Bản đồ hiện trạng vị trí, áp ranh ngày 14/11/2016 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H).

Trong trường hợp bà Ngô Thị D có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật nếu đủ điều kiện khởi kiện.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu thay đổi của bà Ngô Thị D,

1.1. Buộc ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Lưu L phải trả cho bà Ngô Thị D 38,3m² đất (ký hiệu (4) tại Bản đồ hiện trạng vị trí, áp ranh ngày 14/11/2016 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H).

1.2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân Quận M1 cấp ngày 27/6/2011 cho ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Lưu L, số vào sổ cấp GCN: CH01050.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Lưu L phải chịu 9.775.000 đồng (Chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí.

3.2. Bà Ngô Thị D không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử. Bà Ngô Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) lần lượt theo các biên lai thu tiền số AA/2014/0004954 ngày 12/11/2014 và AA/2016/0023306 ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M1.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 21/9/2018, bị đơn ông Ngô Văn L có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm với lý do: Tòa sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án; đồng thời không khách quan trong việc đánh giá chứng cứ gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Ngô Thị D xác định bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã được thay đổi và trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, buộc bị đơn ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Lưu L phải giao trả lại phần diện tích đất là 38,3m² như bản đồ hiện trạng, vị trí, áp ranh ngày 14/11/2016 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H đã thể hiện. Phần diện tích đất này do Ủy ban nhân dân Quận M1, Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Lưu L ngày 27/6/2011 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01050 chồng lấn diện tích đất mà chính quyền địa phương đã cấp cho bà Trần Thị O vào năm 1999. Căn cứ kết quả hòa giải tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị L (do bà Ngô Thị D đại diện theo ủy quyền) đồng ý nhận bồi

hoàn giá trị phần diện tích đất 38,3m² đang có tranh chấp với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu) và tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung nộp ngày 28/11/2016 tại Tòa án nhân dân Quận M1; để bị đơn, người có quyền lợi liên quan là bà Lưu L được tiếp tục đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Quận M1, Thành phố H cấp ngày 27/6/2011 cho ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Lưu L (giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01050); việc giao nhận tiền và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện được thực hiện ngay tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị đơn ông Ngô Văn L cùng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Tường Vi Liễu đồng ý với phương án hòa giải mà nguyên đơn đã đưa ra tại phiên tòa. Đồng thời, tại phiên tòa bị đơn cũng đồng ý với việc rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về nội dung: Yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CH01050 do Ủy ban nhân dân Quận M1 cấp ngày 27/6/2011 cho ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Lưu L. Đề nghị Tòa phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung tranh chấp ban đầu và đình chỉ giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã tự thương lượng, hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật; đề nghị Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Giải quyết yêu cầu của đương sự đã được rút tại tòa theo quy định và mức án phí phải chịu của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự trong vụ án đã tự thương lượng, thỏa thuận được với nhau về phương thức giải quyết vụ án, đồng thời nguyên đơn đã xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và được sự đồng ý của bị đơn. Xét sự thỏa thuận này của mỗi bên đương sự cùng việc rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn được thực hiện trên cơ sở sự tự

nguyên, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Ngô Văn L tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền như tòa án cấp sơ thẩm đã ấn định, số tiền này nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, nguyên đơn bà Ngô Thị D không phải chịu, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa quyết định của bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, ông Ngô Văn L được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã tạm nộp.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 202, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 631, Khoản 1 Điều 633, Khoản 1 Điều 702 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1. Hủy một phần quyết định của bản án sơ thẩm; đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ghi ngày 28/11/2016 của nguyên đơn bà Ngô Thị D. Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01050 do Ủy ban nhân dân Quận M1, Thành phố H đã cấp cho ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Lưu L vào ngày 27/6/2011.

2. Sửa bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bị đơn ông Ngô Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lưu L (do bà Liễu đại diện) đồng ý bồi hoàn cho nguyên đơn bà Ngô Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Lân (do bà D đại diện) giá trị quyền sử dụng phần đất có diện tích 38,3m² (ký hiệu số 4 tại Bản đồ hiện trạng vị trí, áp ranh ngày 14/11/2016 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H kèm theo hồ sơ vụ án) đang có tranh chấp với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Việc thi hành đã được các bên giao nhận trực tiếp tại phiên tòa. Sau khi nhận đủ số tiền trên, bà Ngô Thị D, bà Ngô Thị Lân không còn tranh chấp phần diện tích đất chồng lấn tại địa điểm trên là di sản của bà Trần Thị O để lại cho các con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Bà Ngô Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ngô Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một

triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004954 ngày 12/11/2014 và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0023306 ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M1, Thành phố H.

Bị đơn Ông Ngô Văn L phải chịu 9.775.000 đồng (Chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Ngô Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Ngô Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002758 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M1, Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- TAND Quận 12 (1)
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND Tp.HCM (1)
- Chi cục THADS Quận 12 (6)
- Các đương sự (4)
- Lưu hồ sơ vụ án (4)

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Đỗ Giang